

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-NN

Tủa Chùa, ngày tháng 7 năm 2024

V/v thực hiện kê khai hoạt động
chăn nuôi và thống kê trang trại
chăn nuôi, cơ sở sản xuất, kinh
doanh giống vật nuôi.

Kính gửi:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 1545/SNN-CNTYTS ngày 09/7/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên về việc thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi và thống kê trang trại chăn nuôi, cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi. Để thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực chăn nuôi, xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch phát triển hàng năm. UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. UBND các xã, thị trấn

Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 Luật Chăn nuôi (đây cũng là một nội dung trong đánh giá tiêu chí số 17.8, 17.9 trong bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới). Số liệu tổng hợp báo cáo gửi về Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện trước ngày 16/7/2024.

(Có biểu mẫu thống kê kèm theo)

2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện: Phối hợp với UBND các xã, thị trấn hướng dẫn hoạt động kê khai, rà soát lập danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi và các trang trại chăn nuôi, kê khai hoạt động chăn nuôi trên địa bàn các xã, thị trấn; số liệu tổng hợp báo cáo gửi về phòng Nông nghiệp và PTNT huyện trước ngày 18/7/2024.

3. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện: Trên cơ sở số liệu tổng hợp, báo cáo của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện có trách nhiệm thẩm định tham mưu cho UBND huyện báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 20/7/2024.

Nhận được Công văn này, UBND huyện yêu cầu Phòng Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện, UBND các xã, thị trấn khẩn trương triển khai thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lđ. UBND huyện;
- Lưu VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tuấn

Phụ lục 1: Danh sách trang trại chăn nuôi quy mô lớn, quy mô vừa, quy mô nhỏ
 (Kèm theo Công văn số /UBND -NN ngày /7/2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

TT	Cơ sở/hộ chăn nuôi	Địa chỉ	Số lượng vật nuôi (con)					Quy mô (lớn, vừa, nhỏ)
			Trâu	Bò	Lợn	Gia cầm	Loại khác	
1	Lò Văn A	Thôn/bản, xã						
2							
....							

Phụ lục 2: Danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống vật nuôi trên địa bàn
 (Kèm theo Công văn số /UBND -NN ngày /7/2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại	Quy mô sản xuất, kinh doanh			
				Sản xuất		Kinh doanh	
				Loại vật nuôi	Số lượng (con/năm)	Loại vật nuôi	Số lượng (con/năm)
1	Thôn/bản, xã					
2						
3						

Phụ lục 3: Tổng hợp kê khai hoạt động chăn nuôi trên địa bàn.....
 (Kèm theo Công văn số /UBND -NN ngày /7/2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

TT	Số lượng Địa chỉ	Gia súc (con)						Gia cầm (con)						Động vật khác được phép nuôi							
		Trâu	Bò	Ngựa	Dê	Thỏ	Lợn	Gà	Vịt	Ngan/ ngỗng	Đà điều	Chim cút	Bò câu	Hươu sao (con)	Ong mật (đàn)	Chó/ mèo (con)	Vịt trời (con)	Dê (m ²)	Tằm (ô)	Giun quế (m ²)	Ruồi lính đen (m ²)
1	Xã....																				
2	Xã.....																				
...																					
Tổng																					

Lưu ý: Cách tính quy mô chăn nuôi:*** Quy mô chăn nuôi gia súc, gia cầm được quy định như sau:**

- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên;
- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: Từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi;
- Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi;
- Chăn nuôi nông hộ: Dưới 10 đơn vị vật nuôi.

*** Công thức tính:**

- Hệ số đơn vị vật nuôi = Khối lượng hơi trung bình của vật nuôi/500.

- Công thức tính đơn vị vật nuôi thông qua hệ số đơn vị vật nuôi:

$$\text{Đơn vị vật nuôi (ĐVN)} = \text{Hệ số đơn vị vật nuôi (HSVN)} \times \text{Số con}$$

Hệ số vật nuôi của từng loài như sau:

STT	Loại vật nuôi	Khối lượng hơi trung bình (kg)	Hệ số đơn vị vật nuôi
I	Lợn		
1	Lợn dưới 28 ngày tuổi	8	0,016
2	Lợn thịt:		
2,1	Lợn nội	80	0,16
2,2	Lợn ngoại	100	0,2
3	Lợn nái:		
3,1	Lợn nội	200	0,4
3,2	Lợn ngoại	250	0,5
4	Lợn đực:	300	0,6
II	Gia cầm		
1	Gà:		
1,1	Gà nội	1,5	0,003
1,2	Gà công nghiệp:		
1.2.1	Gà hướng thịt	2,5	0,005
1.2.2	Gà hướng trứng	1,8	0,0036
2	Vịt:		
2,1	Vịt hướng thịt:		
2.1.1	Vịt nội	1,8	0,0036
2.1.2	Vịt ngoại	2,5	0,005

2,2	Vịt hương trứng:	1,5	0,003
3	Ngan	2,8	0,0056
4	Ngỗng	4	0,008
5	Chim cút	0,15	0,0003
6	Bò câu	0,6	0,0012
7	Đà điểu	80	0,16
III	Bò		
1	Bê dưới 6 tháng tuổi	100	0,2
2	Bò thịt:		
2,1	Bò nội	170	0,34
2,2	Bò ngoại, bò lai	350	0,7
3	Bò sữa	500	1
IV	Trâu		
1	Nghé dưới 6 tháng tuổi	120	0,24
2	Trâu	350	0,7
V	Gia súc khác		
1	Ngựa	200	0,4
2	Dê	25	0,05
3	Thỏ	2,5	0,005
VI	Động vật khác		
1	Hươu sao	50	0,1
2	Chó nuôi để kinh doanh		
2,1	Chó có khối lượng đến 5 kg	2,75	0,0055
2,2	Chó có khối lượng từ 5 kg đến dưới 20 kg	12,5	0,025
2,3	Chó có khối lượng từ 20 kg đến dưới 50 kg	35	0,07
2,4	Chó có khối lượng từ 50	60	0,12

	kg trở lên		
3	Vịt trời	1,5	0,003

Ví dụ 1: Một cơ sở chăn nuôi 8 con lợn thịt nội được xếp loại quy mô chăn nuôi nào?

$\text{ĐVN} = \text{HSVN (lợn thịt)} \times 8 = 0,16 \times 8 = 1,28 \rightarrow$ xếp loại chăn nuôi quy mô nông hộ (do $\text{ĐVN} < 10$ đơn vị vật nuôi).

Ví dụ 2: Một cơ sở chăn nuôi 10 con trâu, 05 con nghé (dưới 6 tháng tuổi) và 5 con bò vàng, 100 con ngan được xếp vào loại quy mô chăn nuôi nào?

$\text{ĐVN} = \text{HSVN (trâu)} \times 10 + \text{HSVN (nghé)} \times 5 + \text{HSVN (bò nội)} \times 5 + \text{HSVN (ngan)} \times 100 = (0,7 \times 10) + (0,24 \times 5) + (0,34 \times 5) + (0,0056 \times 100) = 10,46 \rightarrow$ xếp loại quy mô chăn nuôi trang trại nhỏ (do ĐVN từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi).

Ví dụ 3: Một cơ sở chăn nuôi các loại vật nuôi gồm: 20 con bò lai Sind, 10 con trâu, 5 con lợn nái Móng Cái, 10 con lợn con được 20 ngày tuổi và 30 con lợn thịt được xếp loại quy mô chăn nuôi nào?

$\text{ĐVN} = \text{HSVN (bò lai)} \times 20 + \text{HSVN (trâu)} \times 10 + \text{HSVN (lợn nái nội)} \times 5 + \text{HSVN (lợn con)} \times 10 + \text{HSVN (lợn thịt)} \times 30 = (0,7 \times 20) + (0,7 \times 10) + (0,4 \times 5) + (0,016 \times 10) + (0,16 \times 30) = 27,87 \rightarrow$ xếp loại chăn nuôi quy mô trang trại nhỏ (do số ĐVN nằm trong khoảng từ 10 đến dưới 30).